

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2026/HS-PT**

Ngày: 18/03/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại điểm cầu Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 302/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 12 năm 2025 đối với Bị cáo Nguyễn Thị Kim N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2025/HS-ST ngày 19/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1982 tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: Hẻm A Cách mạng tháng Tám, tổ C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Nay là phường P, tỉnh Gia Lai); căn cước công dân: 0641 8200 3185 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 24/7/2022; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị P; có chồng là Phạm Văn B (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/4/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh G. Có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Cao Anh S và bà Vũ Thị Thương T1 – Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim N, Trương Thị H, Trần Thị L và Vũ Thị O quen biết nhau thông qua việc làm ăn. Trong năm 2021, N nhiều lần vay tiền của bà H và đứng

ra làm trung gian giới thiệu cho bà Vũ Thị O, bà Trần Thị L và nhiều người khác đến vay tiền của bà H. Đến đầu năm 2022, lợi dụng lòng tin của bà H, N đã có hành vi giả chữ ký, chữ viết của ông Hà Văn K để lừa đảo chiếm đoạt của bà Trương Thị H số tiền 1.100.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Vào tháng 4/2022, bà Trần Thị L thỏa thuận mua của ông Trương Hà L1 (Sinh năm 1956) thửa đất số 187, tờ bản đồ số 70 tại thôn I, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là xã B, tỉnh Gia Lai) đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy CNQSDĐ) số W209783 với giá 1.670.000.000 đồng. Tuy nhiên, do ông L1 đang thế chấp giấy CNQSDĐ số W209783 và giấy CNQSDĐ số CK 351986 để vay vốn tại ngân hàng N2 phòng giao dịch huyện C nên muốn có giấy CNQSDĐ để làm thủ tục sang nhượng thì L đã nhờ Nguyễn Thị Kim N liên hệ với bà Trương Thị H vay số tiền 1.100.000.000 đồng để tất toán khoản vay của ông L1 tại ngân hàng. Ngày 19/4/2022, bà L đến gặp bà H viết giấy mượn số tiền 1.100.000.000 đồng và nhờ bà H chuyển tiền vào tài khoản của N để N đi tất toán khoản vay và xóa thế chấp cho ông L1. Ngày 20/4/2022, bà H chuyển vào tài khoản ngân hàng V1 số 0291000245069 của N số tiền 1.100.000.000 đồng. Nhận được tiền N chuyển vào tài khoản ngân hàng số 5011205086324 của ông Trương Hà L1 số tiền 744.000.000 đồng để xóa thế chấp. Sau khi ông L1 nhận lại 02 giấy CNQSDĐ từ ngân hàng, ông L1 đưa cho N đi làm thủ tục xóa thế chấp. Sau khi xóa thế chấp xong, ông L1 đưa 02 giấy CNQSDĐ trên cho N để N đi làm thủ tục gộp và tách thửa sang tên cho Trần Thị L. Nhưng sau đó, N không thực hiện mà lấy 01 giấy CNQSDĐ số W209783 (phần đất L đã thỏa thuận mua của ông L1) đưa cho bà H để đảm bảo cho khoản vay 1.100.000.000 đồng của L, còn lại giấy CNQSDĐ số CK351986 N không trả lại cho ông L1 mà tự ý giữ lại.

Đến cuối tháng 4/2022, do cần tiền trả nợ và sử dụng vào mục đích cá nhân nên N điện thoại cho bà Vũ Thị O đưa ra thông tin gian dối là N và L sẽ mua đất của ông Trương Hà L1 nên nhờ bà O nói với chồng là ông Hà Văn K giúp N viết giấy vay số tiền 1.500.000.000 đồng của bà Trương Thị H, N có trách nhiệm trả nợ thì bà O và ông K đồng ý. Ngày 29/4/2022, bà O và ông K đến thành phố P gặp N, ông K viết giấy mượn tiền với nội dung mượn của bà H số tiền 1.500.000.000 đồng trong thời hạn 03 ngày rồi đưa căn cước công dân của ông K cho N giữ, sau đó vợ chồng bà O và ông K đi về nhà tại huyện C. Tuy nhiên, khi N cầm giấy mượn số tiền 1.500.000.000 đồng đến gặp bà H để vay tiền thì bà H không có tiền cho vay nên N đi về. Đến ngày 05/5/2022, N tiếp tục liên lạc với bà H đưa ra thông tin gian dối là ông Hà Văn K cần vay số tiền 1.100.000.000 đồng trong thời hạn 03 ngày để đáo hạn ngân hàng và N giả chữ ký, chữ viết của ông Hà Văn K viết Giấy mượn tiền với nội dung “Hà Văn K mượn tiền của Trương Thị H số tiền 1.100.000.000 đồng”, để tạo thêm niềm tin cho bà H, N đưa cho bà H giữ căn cước công dân của ông K và giấy CNQSDĐ số CK351986 của ông Trương Hà L1. Tin tưởng thông tin N đưa ra là thật nên bà H đã chuyển vào tài khoản của N số tiền 1.100.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền N chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể: chuyển trả nợ và cho Trần Thị L mượn 927.000.000 đồng, chuyển cho bà H 66.000.000 đồng phí dịch vụ vay tiền, chuyển cho bà O 4.000.000 đồng tiền công bà O và anh K giúp N viết giấy vay

1.500.000.000 đồng, chuyển trả nợ cho Nguyễn Thị Bích N1 45.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn V 20.000.000 đồng, 38.000.000 đồng còn lại N sử dụng mua hàng qua mạng và chi tiêu sinh hoạt cá nhân.

Sau khi vay tiền, N không thực hiện cam kết trả tiền gốc và lãi cho bà H. Đến ngày 28/6/2022, N và L đến gặp bà H viết giấy xác nhận mượn lại 02 giấy CNQSDĐ của ông L1 để làm thủ tục gộp 02 sổ thành 01 sổ rồi sau đó tách ra để bán trả nợ cho bà H. Do muốn được N và L trả nợ cho mình nên bà H đồng ý cho N và L mượn lại 02 giấy CNQSDĐ trên. Nhưng thực tế, sau khi mượn lại 02 giấy CNQSDĐ trên, N đưa lại cho L để trả lại cho ông L1, không làm các thủ tục như cam kết. Sau nhiều lần bà H yêu cầu N trả tiền và 02 giấy CNQSDĐ nhưng N không trả nên bà H đã làm đơn tố giác hành vi của Nguyễn Thị Kim N.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Kim N thừa nhận N viết và ký tên của ông Hà Văn K để mượn tiền của bà Trương Thị H vào ngày 05/5/2022. Tuy nhiên, việc N viết giấy này là có trao đổi, thống nhất, đồng ý của ông Hà Văn K, Trần Thị L và Trương Thị H. Mặc dù, N không thừa nhận hành vi của mình, nhưng qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được đủ căn cứ để kết luận hành vi phạm tội của N.

- Tại các Kết luận giám định số 278/KL-KTHS ngày 23/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận: chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Kim N” dưới mục “NGƯỜI MUỐN VỢ”, “NGƯỜI MUỐN TIỀN” trên 02 “GIẤY MUỐN TIỀN”, ngày 12/7/2021, 5/5/2022 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Kim N trên các mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

- Tại Kết luận giám định số 608/KL-KTHS ngày 21/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận: Chữ ký, chữ viết trên 01 “GIẤY MUỐN TIỀN”, ngày 05/5/2022, có chữ ký, chữ viết họ tên “Hà Văn K” so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Kim N trên các mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ các tài liệu gồm:

- Bà Trương Thị H giao nộp: 03 GIẤY MUỐN TIỀN, đề ngày 12/7/2021, ngày 5/5/2022, ngày 5/5/2022; 03 GIẤY XÁC NHẬN, đề ngày 28/6/2022, ngày 16/7/2022 và ngày 18/7/2022; GIẤY BIÊN NHẬN, đề ngày 28/6/2022. Ngoài ra còn thu thập các tài liệu, liên quan đến việc vay mượn tiền giữa Trần Thị L, Vũ Thị O với Trương Thị H.

- Quá trình khám xét thu giữ: 01 USB ký hiệu KIOXIA; 01 điện thoại Samsung Galaxy 22 Ultra Plus bên trong có các file hình ảnh liên quan đến tin nhắn, hình ảnh giữa bị can N và Trần Thị L về việc mượn lại bìa của bà Trương Thị H; 01 USB ký hiệu PNY không có nội dung liên quan đến vụ án.

* Về dân sự: Quá trình điều tra bị hại Trương Thị H yêu cầu bị can Nguyễn Thị Kim N bồi thường số tiền 1.100.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Hiện N chưa bồi thường.

Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2025/HS-ST ngày 19/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim N phạm tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N 13 (Mười ba) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/11/2025, bị cáo Nguyễn Thị Kim N kháng cáo cho rằng mức án Tòa cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng và bị cáo không đưa ra thông tin gian dối để lừa đảo bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Kim N giữ nguyên kháng cáo kêu oan không phạm tội.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội, đề nghị tòa cấp phúc thẩm xem xét tuyên bị cáo không phạm tội.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

- Tháng 4/2022, mặc dù bị cáo N không mua đất cùng với Trần Thị L, nhưng N đã có hành vi điện thoại cho bà Vũ Thị O đã đưa ra thông tin gian dối là N và L cần vay tiền của bị hại Trương Thị H để mua đất của ông Trương Hà L1. Ngân nhờ bà O nói với ông Hà Văn K (là chồng) viết giấy đứng tên vay dùm N số tiền của bà H 1.500.000.000 đồng, N cầm giấy vay tiền này gặp bà H để vay, nhưng do bà H không có tiền nên N không vay được số tiền này.

- Tiếp theo ngày 05/5/2022, dù ông Hà Văn K không có nhu cầu đáo hạn ngân hàng, nhưng N tiếp tục liên lạc với bà H đưa ra thông tin gian dối là ông Hà Văn K cần vay số tiền 1.100.000.000 đồng trong thời hạn 03 ngày để đáo hạn Ngân hàng, đồng thời N viết Giấy mượn tiền đứng tên ông K với nội dung “Hà Văn K *mượn tiền của Trương Thị H số tiền 1.100.000.000 đồng*” và N ký giả chữ ký của ông K, và để tạo thêm niềm tin, N còn đưa cho bà H giữ căn cước công dân của ông K và giấy CNQSDĐ số CK351986 của ông Trương Hà L1.

Sau khi bà H chuyển cho N vay số tiền 1.100.000.000đ, N không sử dụng vào mục đích vay như đã đưa ra thông tin với bà H mà dùng chuyển trả nợ và cho Trần Thị L mượn 927.000.000 đồng, đến ngày 10/6/2022 L trả lại cho H 132.000.000đ, còn 795.000.000; chuyển cho chính bà H 66.000.000 đồng phí dịch vụ vay tiền, chuyển cho bà O 4.000.000 đồng tiền công (bà O và anh K giúp N viết giấy vay 1.500.000.000 đồng trước đó), chuyển trả nợ cho Nguyễn Thị Bích N1 45.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn V 20.000.000 đồng; số tiền còn lại N sử dụng mua hàng qua mạng và chi tiêu sinh hoạt cá nhân.

- Tại các Kết luận giám định số 278/KL-KTHS ngày 23/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận: chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị Kim N” dưới mục “NGƯỜI MUỐN VỢ”, “NGƯỜI MUỐN TIỀN” trên 02 “GIẤY MUỐN TIỀN”, ngày 12/7/2021, 5/5/2022 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Kim N trên các mẫu so sánh **do cùng một người ký và viết ra** (Bút lục 79).

- Tại Kết luận giám định số 608/KL-KTHS ngày 21/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận: Chữ ký, chữ viết trên 01 “GIẤY MUỐN TIỀN”, ngày 05/5/2022, có chữ ký, chữ viết họ tên “Hà Văn K” so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Kim N trên các mẫu so sánh **do cùng một người ký và viết ra**.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2025/HS-ST ngày 19/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử Bị cáo Nguyễn Thị Kim N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim N; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Bị cáo phạm tội có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, đưa ra thông tin gian dối để vay chiếm đoạt tiền của bị hại, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an. Xét thấy hành vi của bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt tiền của các bị hại, đến nay vẫn chưa bồi thường được khoản nào. Quá trình giải quyết vụ án quanh co, chối tội. Nên cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung

[2.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Không.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Kim N không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi tích chất của vụ án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2.4] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim N giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt là phù hợp với đề nghị của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim N và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2025/HS-ST ngày 19/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N 13 (Mười ba) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/4/2024.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Kim N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị

có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường